

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VŨNG LIÊM  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2022/DS-ST

Ngày: 02-12-2022.

*"V/v Tranh chấp hợp đồng góp hội  
và đòi lại tài sản".*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM  
TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Triệu Quốc Hiếu**.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà: **Trần Thị Thu Hà**.

2. Ông: **Huỳnh Văn Hồng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Trúc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia  
phiên tòa.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm  
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 299/2022/TLST – DS ngày 19 tháng  
10 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hội và đòi lại tài sản*” theo quyết  
định đưa vụ án ra xét xử số: 395/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 11 năm  
2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị T** – sinh năm: 1953 (có mặt).

- *Bị đơn:* 1/ Ông **Huỳnh Nhạc H** – sinh năm: 1955 (có mặt).

2/ Bà **Lê Thị G** – sinh năm: 1953 (có mặt)

Tất cả cùng địa chỉ: ấp 6, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Nhạc H và bà Lê  
Thị G là ông **Phạm Văn H**- Luật sư của Văn phòng Luật sư Phạm Văn H-Thuộc  
đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 17/10/2022 và trong quá trình giải quyết, xét xử,  
nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:*

Vào năm 2008 đến năm 2011, bà T là chủ thảo hội trong đó bà G là hội  
viên. Khi tham gia chơi hội thì bà G còn nợ lại tiền hội của bà T và có làm tờ  
cam kết còn nợ bà T số tiền 196.620.000đ, do ông H và bà G cùng ký tên. Từ  
thời gian đó cho đến nay, ông H và bà G có trả được cho bà T số tiền là

14.900.000đ, còn nợ lại số tiền 181.720.000đ. Ngoài ra, bà G có nhờ bà T hỏi dùm 01 chỉ vàng 24K và còn nợ cho đến nay.

Nay bà Lê Thị T yêu cầu ông Huỳnh Nhạc H và bà Lê Thị G phải trả số tiền nợ hui là 181.720.000đ (một trăm tám mươi một triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) và 01 (một) chỉ vàng 24K quy thành tiền là 5.000.000đ, tổng cộng là 186.720.000đ (một trăm tám mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng), không yêu cầu trả lãi.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, xét xử bị đơn ông Huỳnh Nhạc H trình bày:*

Tại biên bản hòa giải ngày 01/11/2022, ông H thừa nhận có nợ số tiền và vàng như lời trình bày của bà T, ông đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà T.

Tại phiên tòa, ông H trình bày số tiền và vàng bà T yêu cầu trả thì ông hoàn toàn không biết. Do bà G là người trực tiếp chơi hui và mượn vàng của bà T. Đến khi chính quyền địa phương tại ấp có mời các bên ra hòa giải thì ông mới biết sự việc bà G nợ bà T thì ông có cùng bà G ký cam kết cùng với bà G trả nợ cho bà T. Tuy nhiên, ông chỉ cam kết cho tiền hỗ trợ để bà G trả nợ cho bà T.

Nay bà T yêu cầu ông H phải trả số tiền nợ hui là 181.720.000đ (một trăm tám mươi một triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) và 01 (một) chỉ vàng 24K quy thành tiền là 5.000.000đ, tổng cộng là 186.720.000đ (một trăm tám mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) thì ông không đồng ý, ông chỉ đồng ý hỗ trợ bà G trả nợ cho bà T.

*\* Tại bản khai ý kiến ngày 31/10/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, xét xử bị đơn bà Lê Thị G trình bày:*

Bà G thừa nhận có nợ số tiền và vàng như lời trình bày của bà Lê Thị T. Sự việc nợ tiền, vàng của bà T là do bà G nợ, ông H không biết sự việc này.

Nay bà T yêu cầu bà G phải trả số tiền nợ hui là 181.720.000đ (một trăm tám mươi một triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) và 01 (một) chỉ vàng 24K quy thành tiền là 5.000.000đ, tổng cộng là 186.720.000đ (một trăm tám mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) thì bà đồng ý.

*\* Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Yêu cầu của nguyên đơn chỉ căn cứ vào lời thừa nhận của bà Lê Thị G. Ông Huỳnh Nhạc H không trực tiếp chơi hui với bà Lê Thị T. Tại phiên tòa, ông H chỉ đồng ý đưa tiền cho bà G trả nợ chứ không cùng chịu trách nhiệm trả nợ cùng bà G. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H và hủy bỏ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm xuất cảnh đối với ông H.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Tòa án nhận định:*

[1] Về tố tụng dân sự:

Bà Lê Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hui và đòi lại tài sản giữa bà và ông Huỳnh Nhạc H, bà Lê Thị G. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35,

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Lê Thị T yêu cầu ông H và bà G phải trả số tiền nợ hui là 181.720.000đ và 01 (một) chỉ vàng 24K quy thành tiền là 5.000.000đ, tổng cộng là 186.720.000đ.

Bà G thừa nhận có nợ số tiền hui là 181.720.000đ và 01 chỉ vàng 24K như lời của bà T trình bày, bà G đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Bà T. Tại phiên tòa ông H trình bày số nợ trên là do bà G nợ của bà T, đến khi chính quyền ở ấp mời các bên ra làm việc thì ông mới biết sự việc trên và đồng ý cùng bà G trả nợ cho bà T, ông H và bà G cùng ký tên vào tờ cam kết. Nay ông H chỉ đồng ý đưa tiền cho bà G trả nợ, ông không đồng ý cùng bà G có trách nhiệm trả nợ cho bà T. Ông H, bà G xin được trả nợ dần và đề nghị hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời để ông H đi làm có tiền trả nợ cho bà T.

Xét thấy, tại phiên tòa ông H thay đổi lời trình bày là không phù hợp với nội dung lời trình bày tại biên bản hòa giải ngày 27/6/2014, tờ cam kết ngày 27/06/2014, biên bản hòa giải ngày 01/11/2022 nên không có cơ sở chấp nhận.

Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc ông H, bà G có trách nhiệm trả cho bà T số tiền nợ hui là 181.720.000đ và 01 chỉ vàng 24K quy thành tiền là 5.000.000đ, tổng cộng là 186.720.000đ.

Do bà T không chấp nhận đề nghị hủy bỏ áp dụng và để đảm bảo việc trả nợ của ông H nên cần tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 04/2022/QĐ-BPKCTT ngày 20/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[3] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do bà T, ông H, bà G là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà T, ông H, bà G được miễn án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164; Điều 166; Điều 471 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### **\* Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

Buộc ông Huỳnh Nhạc H và bà Lê Thị G phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị T số tiền nợ hui là 181.720.000đ (một trăm tám mươi một triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) và 01 (một) chỉ vàng 24K quy thành tiền là 5.000.000đ, tổng

cộng là 186.720.000đ (một trăm tám mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 04/2022/QĐ-BPKCTT ngày 20/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

*Án phí dân sự sơ thẩm:*

Bà Lê Thị T, ông Huỳnh Nhạc H và bà Lê Thị G được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Triệu Quốc Hiếu**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Triệu Quốc Hiếu**



























**Phạm Thị Lanh**

